

Phụ lục kèm theo Thông báo số 2474/TB-SXD ngày 30/6/2025
của Sở Xây dựng tỉnh Bình Thuận

CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 6 NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH THUẬN

A. BẢNG GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

Nguồn thông tin: Các địa phương báo giá.

1. Huyện Đức Linh:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế VAT)
1	Xi măng	Vicem Hà Tiên 1 (PCB 40)	Tấn	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	Việt Nam		Bao gồm vận chuyển đến vị trí công trình trên địa bàn huyện	Báo giá của Cty TNHH Vật liệu xây dựng Hải Lành	2.100.000
		Vicem Hà Tiên Đa Dạng (PCB 40)	Tấn	TCVN 6260:2020	Bao 50kg						2.000.000
		Xi măng Sài Gòn SCG (PCB40)	Tấn	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Cty TNHH VLXD Xi Măng SCG VN					1.600.000
		STARMAX (PCB 40)	Tấn	TCVN 6260:2020	Bao 50kg						1.760.000
		Xi Măng Poóc Lăng Hồn Hợp (PCB 40)	Tấn	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Cty CP Xi Măng Thăng Long					1.760.000
2	Gạch xây	Tuynel ống 4 lỗ	Viên	TCVN 1450:2009	8x8x18(cm)	CN Cty CP Bắc Mỹ - xã Mê Pu	Việt Nam		Chưa bao gồm vận chuyển	Báo giá tại Cty bao gồm chi phí bốc lên xe	1.150
		Tuynel thẻ 2 lỗ	Viên		4x8x18(cm)						1.150
		Gạch ống 4 lỗ không nung	Viên	TCVN 6477:2016	8x8x18(cm)	Cty TNHH	Việt Nam			Giá bán tại Cty đã bao	1.150

		Gạch thẻ không nung	Viên		4x8x18(cm)	Mạnh Tiến Đức Linh			Chưa bao gồm vận chuyển	gồm bốc, xếp lên xe	1.150
3	Thép xây dựng	Sắt Việt Mỹ	kg	TCVN 1651-1:2018	Cuộn fi 6-8	Công ty TNHH MTV Thiên Kim Sắt	Việt Nam		Bao gồm vận chuyển đến vị trí công trình trên địa bàn huyện	Báo giá của Cty TNHH Vật liệu xây dựng Hải Lành	15.727
			cây	TCVN 1651-2:2018	fi 10, dài 11,7m						99.491
			cây		fi 12, dài 11,7m						157.945
			cây		fi 14, dài 11,7m						217.382
			cây		fi 16, dài 11,7m						275.382
			cây		fi 18, dài 11,7m						358.382
4	Cát xây dựng	Cát xây tô	m3	TCVN 7570:2006		Cty TNHH MTV TM Vận tải Ngọc Công – Mô khai thác khu vực Suối Đá, xã Tân Hà	Việt Nam		Chưa bao gồm vận chuyển	Giá tại mỏ bao gồm chi phí bốc lên xe	380.000
5	Sơn	Tough Shield ngoại thất	Thùng	TCVN 9404:2012	17 Lit	Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam	Việt Nam		Bao gồm vận chuyển đến vị trí công trình trên địa bàn huyện	Báo giá tại cửa hàng Phân phối Sơn Jotun Hiền Phú	2.781.818
		Essence nội thất dễ lau chùi	Thùng		17 Lit						3.268.182
		Essence sơn lót chống kiềm	Thùng		17 Lit						2.781.818
		Sơn lót chống rỉ màu đỏ Alkyd Primer	Thùng		20 lít						2.609.091
		Bột trét Jotun Exterior putty nội thất	Bao		40 kg						336.364
		Bột trét Jotun Exterior putty ngoại thất	Bao		40 kg						445.445

2. Huyện Tánh Linh:

Đơn vị tính: đồng

Số tt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị*	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế VAT)	
1	Xi măng	Vicem Hà Tiên 1 (PCB 40)	Tấn	TCVN 6260:2020	bao 50kg	Công ty CP xi măng Vicem Hà Tiên	Việt Nam		Đã bao gồm vận chuyển trong phạm vi cách trung tâm huyện 20km	Khu vực trung tâm huyện	2.000.000	
		Vicem Hà Tiên Đa dụng (PCB 40)	Tấn		bao 50kg			1.900.000				
		Ciment Tophome bao (PCB 40)	Tấn		bao 50kg	Công ty CP xi măng Đỉnh Cao	Việt Nam				1.800.000	
		Ciment Cẩm Phả bao (PCB 40)	Tấn		bao 50kg	Công ty CP xi măng Cẩm Phả	Việt Nam				1.900.000	
2	Thép xây dựng	Sắt Việt Mỹ	kg	TCVN 1651-1:2018	Cuộn fi 6-8	Công ty CP Thép VAS Tuệ Minh	Việt Nam		Đã bao gồm vận chuyển trong phạm vi cách trung tâm huyện 20km	Khu vực trung tâm huyện	16.300	
			cây	TCVN 1651-2:2018	fi 10 dài 11,7m							102.000
			cây		fi 12 dài 11,7m							161.000
			cây		fi 14 dài 11,7m							221.000
			cây		Fi 16 dài 11,7m							283.000
			cây		fi 18 dài 11,7m							365.000
3	Đá xây dựng	Đá 1x2	m ³	TCVN 7570:2006		Công ty khai thác và chế biến khoáng sản Hồng Sơn Bình Thuận	Việt Nam		Chưa bao gồm vận chuyển	Tại công ty bao gồm chi phí mức, xúc lên xe	260.000	
		Đá 2x4	m ³								260.000	
		Đá 4x6	m ³								245.000	
		Đá 0x4	m ³								240.000	

4	Cát xây dựng	Cát xây dựng	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH xăng dầu Đức Tín	Việt Nam		Chưa bao gồm vận chuyển	Tại công ty bao gồm chi phí mức, xúc lên xe	293.000
		Đất bồi nền	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH xây lắp Phước Sơn, Bình Thuận, tại mỏ Suối Kiết	Việt Nam		Chưa bao gồm vận chuyển	Tại công ty bao gồm chi phí mức, xúc lên xe	80.000
5	Gạch xây	Gạch ống sét nung	viên	TCVN 1450:2009	8x8x18 (cm)	Công ty TNHH Thuận An Huy	Việt Nam		Chưa bao gồm vận chuyển	Giá bán tại xã Gia An đã bao gồm chi phí bốc xếp lên xe	700
		Gạch thẻ sét nung	viên	TCVN 1451:1998	4x8x18 (cm)						700
		Gạch ống 4 lỗ không nung	Viên	TCVN 6477:2016	8x8x18 (cm)	Công ty TNHH Gạch không nung 19/5	Việt Nam		Chưa bao gồm vận chuyển	Giá tại Công ty, nhà máy KP.Lạc Hà, Lạc Tánh, Tánh Linh, bao gồm chi phí bốc xếp lên xe	1.181
		Gạch ống 4 lỗ không nung	Viên		9x9x19 (cm)						1.454
		Gạch thẻ không nung	Viên		4x8x18 (cm)						1.090
		Gạch thẻ không nung	Viên		4.5x9x19 (cm)						1.272

		Gạch block 2 lỗ không nung	Viên		19x19x39 (cm)	nt	nt		nt	nt	7.636
		Gạch block 2 lỗ không nung	Viên		9x19x39 (cm)						4.909
7	Gạch ốp lát	Gạch ceramic lát nền	m ²	TCVN 13113:2020	40x40 (cm)	Công ty cổ phần Tô Thành Phát	Việt Nam		Đã bao gồm vận chuyển trong phạm vi cách trung tâm huyện 20km	Khu vực trung tâm huyện	90.000
		Gạch ceramic lát nền	m ²		50x50 (cm)						105.000
		Gạch ceramic lát nền	m ²		60x60 (cm)						125.000
		Gạch men ốp tường	m ²	TCVN 13113:2020	30x45 (cm)	Công ty cổ phần Tô Thành Phát	Việt Nam		Đã bao gồm vận chuyển trong phạm vi cách trung tâm huyện 20km	Khu vực trung tâm huyện	95.000
		Gạch men ốp tường	m ²		30x60 (cm)						120.000

3. Hàm Tân:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế VAT)
1	Xi măng	Vicem Hà Tiên đa dụng PCB40	tấn	TCVN 6260:2020	bao 50kg	Công ty CP xi măng Vicem Hà Tiên			Chưa bao gồm vận chuyển	Tại Công ty TNHH Lê Gia Bình Thuận, bao gồm chi phí bốc xếp lên xe	1.900.000
		Vicem Hà Tiên 1 PCB40								2.200.000	

		Xi măng Sài Gòn PCB40	tấn	TCVN 6260:2020	bao 50kg	Công ty CP phát triển Sài Gòn			Chưa bao gồm vận chuyển	Tại VLXD Bốn Toàn, bao gồm chi phí bốc xếp lên xe	1.600.000
2	Cát xây dựng	Cát xây tô	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ xây dựng Quyền Thuyền	Việt Nam		Chưa bao gồm vận chuyển	Tại mỏ cát Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ xây dựng Quyền Thuyền, đã bao gồm chi phí xúc lên xe	245.000
		Cát bồi nền	nt	Không có thông tin		Công ty TNHH Hải Đông – Chi nhánh Suối Giêng	nt		nt	Tại mỏ cát Công ty TNHH Hải Đông – Chi nhánh Suối Giêng, đã bao gồm chi phí xúc lên xe	100.000
3	Đá xây dựng	Đá chẻ	viên	Không có thông tin	15x20x25 (cm)	Cty TNHH XD và Thương mại Hồng Gia	nt		nt	Tại VLXD Thủy Điện, bao gồm chi phí bốc lên xe	6.800
		Đá 1x2	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Đầu tư Vin Vin	Việt Nam		Chưa bao gồm vận chuyển	Tại mỏ Công ty TNHH Đầu tư Vin Vin (mỏ đá Tân Xuân), bao gồm chi phí xúc, bốc xếp lên xe	263.636
		Đá 2x4	"								245.455
		Đá 4x6	“								209.090

4	Thép xây dựng	Thép	kg	TCVN 1651-1:2018	Cuộn fi 6	Công ty CP XNK sắt thép Hòa Phát	Việt Nam		Bảo gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn huyện Hàm Tân	Công ty TNHH Quốc Trí	14.273
		Thép	kg	nt	Cuộn fi 8						14.273
		Thép	cây	TCVN 1651-2:2018	fi 10, dài 11,7m						90.000
		Thép	nt		fi 12, dài 11,7m						141.818
		Thép	nt		fi 14, dài 11,7m	nt	nt		nt	nt	194.091
		Thép	nt		fi 16, dài 11,7m	nt	nt		nt	nt	246.364
		Thép	nt	nt	fi 18, dài 11,7m	nt	nt		nt	nt	320.909
4	Gạch ốp lát	Gạch Ceramic lát nền (TSA)	m2	TCVN 13113:2020	60x60 (cm)	Công ty Cổ phần TASA Group	Việt Nam		Bảo gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn huyện Hàm Tân	Cty TNHH Lê Gia Bình Thuận	125.000
		Gạch Ceramic ốp tường (TSA)	m2		30x60 (cm)						125.000

4. Thị Xã La Gi:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế VAT)
1	Xi măng	Xi măng Sài Gòn PCB40	Tấn	TCVN 6260:2020	Bao 50 kg	Công ty CP phát triển Sài Gòn	Việt Nam		Bảo gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn thị xã La Gi	Cửa hàng VLXD Quốc Bình (P. Tân Thiện)	1.720.000
		Vicem Hà Tiên 1 PCB40	nt	nt	nt	Cty CP xi măng	nt				1.980.000

						Vicem Hà Tiên					
		Xi măng Insee PCB40	nt	nt	nt	Cty xi măng Insee	nt				1.980.000
2	Gạch xây	Gạch ống nung	Viên	TCVN 1450:2009	(8x8x18) cm	Nhà máy gạch Sông Lam-Hàm Tân	nt		nt	nt	1.100
		Gạch thẻ nung	Viên	TCVN 1451:1998	(4x8x19) cm	Nhà máy gạch Sông Lam-Hàm Tân			nt	nt	1.500
3	Cát xây dựng	Cát xây	m3	TCVN 7570:2006			nt		Bao gồm vận chuyển đến công trình trên địa bàn thị xã La Gi	Giá tại Cửa hàng VLXD Thanh Xuân (P. Bình Tân)	320.000
		Cát tô	m3	TCVN 7570:2006			nt				320.000
		Cát san nền	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH Xây lắp Thương mại Đồng Tâm	nt		Chưa bao gồm vận chuyển	Giá tại mỏ bao gồm chi phí xúc lên xe	160.000
4	Đá xây dựng	Đá chẻ	Viên	TCVN 7570:2006	15x20 x25 (cm)				Bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn thị xã La Gi	Cửa hàng VLXD Thanh Xuân (P. Bình Tân)	7.000
		Đá 1x2	m3	nt		Mỏ đá Tân Hà – Hàm Tân	Việt Nam				330.000
		Đá 4x6	m3	nt							300.000

5	Thép xây dựng	Thép Việt Nhật	Kg	TCVN 1651-1:2018	Cuộn Fi 6	Công ty CP luyện thép Việt Nhật	Việt Nam		Bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn thị xã La Gi	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thái Bình Dương	16.800
		Thép Việt Nhật	Kg		Cuộn Fi 8						16.800
		Thép Việt Nhật	Cây	TCVN 1651-2:2018	Fi 10, dài 11,7m						115.900
		Thép Việt Nhật	Cây		Fi 12, dài 11,7m						164.000
		Thép Việt Nhật	Cây	nt	Fi 14, dài 11,7m	nt	nt		nt	nt	223.900
		Thép Việt Nhật	Cây	nt	Fi 16, dài 11,7m	nt	nt		nt	nt	292.800
		Thép Việt Nhật	Cây	nt	Fi 18, dài 11,7m	nt	nt		nt	nt	369.800
6	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U fi 21x1,3 (12 bar)	mét	TCVN 8491:2011; TCCS 207:2022	Cây dài 4,0m	Công ty Cổ phần nhựa Bình Minh	Việt Nam		Bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn thị xã La Gi	Cty TNHH Vĩnh Lập La Gi (P.Bình Tân)	7.500
		Ống PVC-U Ø27x1.6 (12bar)	nt								10.750
		Ống PVC-U Ø34x1.9 (12bar)	nt	nt	nt	nt	nt				10.750
		Ống PVC-U Ø42x1.9 (9bar)	nt	nt	nt	nt	nt		nt	nt	20.500
		Ống PVC-U Ø49x2.1 (9bar)	nt	nt	nt	nt	nt		nt	nt	25.500

		Ổng PVC-U Ø60x1.8 (6bar)	nt	nt	nt	nt	nt		nt	nt	28.750
		Ổng PVC-U Ø90x1.7 (3bar)	nt	nt	nt	nt	nt		nt	nt	36.750
		Ổng PVC-U Ø90x3.5 (9bar)	nt	nt	nt	nt	nt		nt	nt	76.250
		Ổng PVC-U Ø114x2.2 (3bar)	nt	nt	nt	nt	nt		nt	nt	63.750

5. Huyện Hàm Thuận Nam:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế VAT)
1	Xi măng	Xi măng Sài Gòn (PCB40)	Tấn	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Cty CP Phát triển Sài Gòn	Việt Nam		Bao gồm vận chuyển trong phạm vi 10km	Khu vực trung tâm thị trấn Hàm Thuận Nam	1.840.000
2	Thép xây dựng	Thép Việt Mỹ	cây	TCVN 1651-2:2018	Fi 10	Công ty TNHH MTV Thép Việt Mỹ	nt		nt	nt	104.300
			cây		Fi 12						168.800
			cây		Fi 14						219.200
3	Đá xây dựng	Đá 1x2 (lưới sàn 24)	m3	TCVN 7570-2006		Công ty CP Tà zon	Việt Nam		Chưa bao gồm vận chuyển	Tại mỏ Chóp Vung, Hàm Kiệm, trên phương tiện vận chuyển của khách hàng (bao gồm	227.273
		Đá 2x4	m3							190.909	
		Đá 4x6	m3							163.636	

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế VAT)
		Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm loại A	m3	TCVN 8859:2011		nt	nt		nt	chi phí xúc lên xe)	190.909
		Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm loại B	m3	nt		nt	nt		nt		172.727
		Đất tầng phủ (vật liệu san lấp)	m3	Không có thông tin		nt	nt		nt		77.273
4	Cát	Cát nghiền	m3	TCVN 9205:2012		nt	nt		nt	nt	281.818
5	Gạch xây	Gạch nung- ống	viên	TCVN 1450: 2009	8x8x18 (cm)	Công ty TNHH Tân Thịnh Thiện	Việt Nam		Chưa bao gồm vận chuyển	Tại kho Cty Tân Thịnh Thiện (bao gồm chi phí bốc, xếp lên xe)	1.203
		Gạch nung- ống	viên		9x9x19 (cm)						1.481
		Gạch nung- thẻ	viên	TCVN 1451:1998	4x8x18 (cm)						1.157
		Gạch nung- thẻ	viên		4,5x9x19 (cm)						1.759
		Gạch nung- 6 lỗ	viên	TCVN 1450: 2009	18x12x8 (cm)						1.712
		Gạch nung- demi 6 lỗ	viên		9x12x8 (cm)						1.212

6. Thành phố Phan Thiết:*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế VAT)
1	Thép xây dựng	Sắt phi 6-8 Vina Kyoei	kg	TCVN 1651-1:2018	D=6-8mm	Cty TNHH Thép Vina Kyoei	Việt Nam	Điều kiện giao hàng thông báo trước 24h kể từ khi đặt hàng	Vận chuyển tới chân công trình nội thành Phan Thiết 3km		16.800
		Sắt phi 10 Vina Kyoei	kg	TCVN 1651-2:2018	D=10mm, dài 11,7m						16.970
		Sắt phi 12 -32 Vina Kyoei	kg	nt	D=12-32mm, dài 11,7m						16.697
		Sắt phi 6-8 Vnsteel	kg	TCVN 1651-1:2018	D=6-8mm	Cty TNHH Một thành viên Thép miền Nam - Vnsteel	nt	nt	nt		16.200
		Sắt phi 10 Vnsteel	kg	TCVN 1651-2:2018	D=10mm, dài 11,7m		nt	nt	nt		16.162
		Sắt phi 12 -32 Vnsteel	kg	nt	D=12-32mm, dài 11,7m		nt	nt	nt		15.962
	Thép xây dựng	Sắt phi 6-8 Hòa Phát	kg	TCVN 1651-1:2018	D=6-8mm	CN Công ty TNHH Thép Hòa Phát	Việt Nam	Điều kiện giao hàng thông báo trước 24h kể từ khi đặt hàng	Vận chuyển tới chân công trình nội thành Phan Thiết 3km	Công ty TNHH TM&SX Quản Trung	15.800
		Sắt phi 10 Hòa Phát	nt	TCVN 1651-2:2018	D=10mm, dài 11,7m		nt	nt	nt		14.427
		Sắt phi 12 -32 Hòa Phát	nt	nt	D=12-32mm, dài 11,7m		nt	nt	nt		15.870

		Sắt phi 6-8 Pomina	kg	TCVN 1651-1:2018	D=6-8mm	Cty CP Thép Pomina	nt	nt	nt		15.900
		Sắt phi 10 Pomina	nt	TCVN 1651-2:2018	D=10mm, dài 11,7m		nt	nt	nt		16.089
		Sắt phi 12-32 Pomina	nt	nt	D=12- 32mm, dài 11,7m		nt	nt	nt		15.973
2	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40	Tấn	TCVN 6260:2020	bao 50kg	Công ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hà Tiên	Việt Nam	nt	nt	nt	2.090.455
		Vicem Hà Tiên Đa Dụng PCB40	nt	nt	nt		nt				1.975.909
		Xi măng Vicem Power PCB40	nt	nt	nt	Công ty Xi măng Nghị Sơn	nt				1.823.182
3	Gạch ốp lát	Gạch ốp Trung Nguyên ceramic	m2	TCVN 13113:2020	25x40 mm	Công ty CP Khai Thác Khoáng Sân và VLXD Trung Nguyên	nt	nt	Vận chuyển tới chân công trình nội thành Phan Thiết 3km		95.455
		Gạch lát nền Trung Nguyên ceramic	m2	nt	30x30 mm		nt	nt	nt		107.864
		Gạch lát nền Trung Nguyên ceramic	nt	nt	40x40 mm		nt	nt	nt		103.091

		Gạch lát nền Trung Nguyên ceramic	nt	nt	50x50 mm		nt	nt	nt		111.682
		Gạch lát nền Trung Nguyên granite	nt	nt	60x60 mm		nt	nt	nt		204.273
		Gạch lát nền Trung Nguyên granite	nt	nt	80x80 mm		nt	nt	nt		249.136
		Gạch ốp tường Trung Nguyên granite	m2	nt	30x60 mm		nt	nt	nt		210.000

7. Huyện Hàm Thuận Bắc:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế VAT)
1	Xi măng	Xi măng Thành Thắng PCB40	Tấn	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Cty CP xi măng Thành Thắng	Việt Nam		Bao gồm chi phí vận chuyển bán kính dưới 20km	DN Phuong Hoa, xã Hàm Thắng	1.787.037
		Vicem Hà Tiên PCB40	nt	nt	nt	Cty CP xi măng Vicem Hà Tiên	nt		nt	nt	1.990.740
		Xi măng Công Thanh PCB40	nt	nt	nt	Cty CP xi măng Công Thanh	nt		nt	nt	1.898.148

2	Đá xây dựng	Đá 1x2 (sàng 24)	m ³	TCVN 7570: 2006		Công ty CP Zôn xã Hàm Đức	Việt Nam		Chưa bao gồm vận chuyển	Giá tại mỏ đá Tà Zôn xã Hàm Đức, đã có bốc xếp lên xe	227.273
		Đá 2x4	m ³								190.909
		Đá 4x6	m ³								163.636
		Đá 0,1 x 5	m ³								227.273
3	Gạch xây (không nung)	Gạch 4 lỗ M75	viên	TCVN 6477:2016	9x9x19 (cm)	Công ty CP Zôn xã Hàm Đức	nt		Chưa bao gồm vận chuyển	Giá tại mỏ đá Tà Zôn xã Hàm Đức, đã có bốc xếp lên xe	1.400
		Gạch 4 lỗ M75	viên								1.300
		Gạch thẻ M75	viên								1.100
		Gạch thẻ M75	viên								1.000
4	Gạch ốp, lát	Gạch ceramic lát nền Kiến Hưng	m ²	TCVN 13113:2020	60x60 (cm)	Công ty CP Gạch ốp lát Kiến Hưng	nt		Đã bao gồm chi phí vận chuyển khu vực Hàm Thuận Bắc	Doanh nghiệp Phường Hoa xã Hàm Thắng	105.800
		Gạch ceramic ốp tường			30x60 (cm)						115.000
		Gạch ceramic ốp tường			40x80 (cm)						128.000
5	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát fi 6-8	kg	TCVN 1651-1:2018	Cuộn	Công ty CP Thép Hòa Phát	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển khu vực Hàm Thuận Bắc	Cty TNHH Xây dựng Sinh Hòa xã Hàm Chính	17.020
		Thép Hòa Phát fi10	Cây	TCVN 1651-2:2018	Dài 11,7m						115.105
		Thép Hòa Phát fi12	Cây	nt	Dài 11,7m						165.679

		Thép Hòa Phát f14	nt	nt	nt						225.146
		Thép Hòa Phát f16	nt	nt	nt						293.655
		Thép Hòa Phát f18	nt	nt	nt						372.265
		Thép Hòa Phát f20	nt	nt	nt						459.255
		Thép Hòa Phát f22	nt	nt	nt						555.435
6	Vật liệu khác	Đất đắp cấp 3	m3	Không có thông tin		Cty CP đầu tư Hoàng Sơn GLOBAL			Chưa bao gồm vận chuyển	Tại mỏ Núi Éch, xã Hồng Liên, bao gồm chi phí xúc lên xe	63.636

8. Huyện Bắc Bình:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế VAT)
1	Xi măng	Vicem Hà Tiên (PCB40)	tấn	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hà Tiên	Việt Nam		Chưa bao gồm vận chuyển	Khu vực trung tâm huyện, bao gồm chi phí bốc xếp lên xe	2.000.000
		Xi măng Sông Lam (PCB40)	nt	nt	nt	Công ty Cổ phần xi măng Sông Lam	nt				1.760.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế VAT)
		Xi măng Phúc Sơn (PCB40)	nt	nt	nt	Công ty xi măng Phúc Sơn	nt				1.700.000
2	Thép xây dựng	Sắt Hòa Phát	kg	TCVN 1651-1:2018	Fi 6-8	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam		Chưa bao gồm vận chuyển	Khu vực trung tâm huyện, bao gồm chi phí bốc xếp lên xe	17.000
			cây	TCVN 1651-2:2018	Fi 10, dài 11,7m						104.000
			”		Fi 12, dài 11,7m						160.000
			”		Fi 14, dài 11,7m						218.000
			”		Fi 16, dài 11,7m						275.000
			”		Fi 18, dài 11,7m						355.000
3	Đá xây dựng	Đá chẻ	viên	Không có thông tin	20x20x40 (cm)		Việt Nam		nt	nt	8.000
4	Gạch xây	Gạch thẻ tuynen	viên	TCVN 1451:1998	4,5x9x19 (cm)	Cơ sở XS Thông Thuận	Việt Nam		nt	nt	1.500
		Gạch ống tuy nen	viên	TCVN 1450:2009	8x8x18 (cm)						1.100
5	Gạch ốp lát	Gạch Ceramic lát nền	nt	TCVN 13113:2020	60x60 (cm)	Công ty gạch	nt		nt	nt	150.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế VAT)
		Gạch Ceramic ốp tường	nt	nt	30x60 (cm)	Việt Anh			nt	nt	140.000
6	Trần, vách thạch cao	Trần tấm nhựa	m2	TCVN 11353:2016			nt		Chưa bao gồm vận chuyển	Khu vực trung tâm huyện, bao gồm chi phí bốc xếp lên xe	65.000
7	Gỗ	Gỗ xây dựng	m3	TCVN 13533:2022	<4m		nt		nt	nt	7.500.000
		Gỗ xây dựng	m3	nt	>4m		nt		nt	nt	8.000.000

9. Huyện Tuy Phong:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế VAT)
1	Xi măng	Vicem Hà Tiên 1 (PCB 40)	Tấn	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP xi măng Vicem Hà Tiên	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí	Giá tại trung tâm 02 thị trấn Liên Hương và	1.940.000
		Vicem Hà Tiên Đa Dạng (PCB 40)	Tấn	TCVN 6260:2020	Bao 50kg						1.800.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế VAT)
		Xi Măng Nghi Sơn (PCB 40)	Tấn	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Tập đoàn Taiheio – Nhật Bản và Tổng công ty Xi măng Việt Nam (VICEM)	Việt Nam		công bốc xếp	Phan Rí Cửa	2.000.000
		Xi măng Sông Lam (PCB 40)	nt	nt	nt	Cty CP xi măng Sông Lam Nghệ An	nt		nt		1.700.000
2	Thép xây dựng	Sắt (Việt - Nhật)	kg	TCVN 1651-1:2018	fi 6-8	Công ty TNHH thép Vina Kyoei	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí công bốc xếp	Giá tại trung tâm 02 thị trấn Liên Hương và Phan Rí Cửa	17.000
			cây	TCVN 1651-2:2018	fi 10 dài 11,7m						118.000
			cây		fi 12 dài 11,7m						168.000
			cây		fi 14 dài 11,7m						228.000
			cây		fi 16 dài 11,7m						298.000
3	Đá xây dựng	Đá 1*2	m3	TCVN 7570:2006		Công ty CP VLXD & Khoáng sản Bình Thuận		Chưa Bao gồm vận chuyển	Tại mỏ đá Phong Phú và mỏ đá Núi Tàu, bao gồm chi phí bốc, xúc lên xe	245.455	
		Đá 2*4	m3	nt						209.091	
		Đá 4*6	m3	nt						190.909	
		Đá cấp phối 0-4 loại 1	m3							209.091	

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế VAT)	
		Đá cấp phối 0-4 loại 2	m3	TCVN 8859:2011							190.909	
		Đá 0,01*0,5	m3	TCVN 8859:2011								245.455
		Đá 0,5*1,3	m3									190.909
		Đá loca	m3									118.182
		Cấp phối đá dăm Dmax 25	m3	TCVN 8859:2011							245.455	
		Cấp phối đá dăm Dmax 37,5 loại 1	m3								227.273	
		Cấp phối đá dăm Dmax 37,5 loại 2	m3								200.000	
		Đá 1*2 Dmax 19	m3	nt		Công ty CP VLXD & Khoáng sản Bình Thuận	Việt Nam		Chưa bao gồm vận chuyển	Tại mỏ đá Phong Phú và mỏ đá Núi Tàu, bao gồm chi phí bốc, xúc lên xe	254.545	
5	Cát xây dựng	Cát động bồi nền công trình	m3	Không có thông tin		Cty TNHH dịch vụ du lịch Song Ân			Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá tại mỏ cát, bao gồm chi phí xúc lên xe	81.818	

10. Huyện Phú Quý:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế VAT)
1	Xi măng	Vicem Hà Tiên 1 (PCB 40)	Bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên 1	Việt Nam		Bao gồm vận chuyển đến vị trí công trình trên địa bàn huyện	Cty TNHH Tuấn Tú Phú Quý	116.000
		Cẩm phả (PCB 40)	Bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Cẩm Phả	Việt Nam			nt	115.000
		The Vissai Ninh Bình (PCB 40)	Bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Vissai Ninh Bình	Việt Nam		nt	Cty TNHH Hoàng Phép	105.000
2	Thép xây dựng	Thép Việt - Nhật	kg	TCVN 1651-1:2018	fi 6-8	Công ty Cổ phần XNK Sắt thép Việt Nhật	nt		Bao gồm vận chuyển đến vị trí công trình trên địa bàn huyện	Cty TNHH Hoàng Phép	25.500
		Thép Việt - Nhật	cây	TCVN 1651-2:2018	fi 10, dài 11,7m						160.000
		Thép Việt - Nhật	cây		fi 12, dài 11,7m						224.000
		Thép Việt - Nhật	cây		fi 14, dài 11,7m						300.000
		Thép Việt - Nhật	cây		fi 16, dài 11,7m						392.000
3	Đá xây dựng	Đá 1x2	m³	TCVN 7570:2006		Xí nghiệp khai thác đá Tàzon	Việt Nam		Bao gồm vận chuyển đến vị trí công trình	Cty TNHH Hoàng Phép	700.000
		Đá 4x6	m³								700.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế VAT)
4	Cát xây dựng	Cát xây tô	m ³	TCVN 7570:2006					trên địa bàn huyện		650.000
		Cát đúc bê tông	m ³								700.000
5	Gạch xây	Gạch táp lô (không nung)	viên	TCVN 6447:2016	9x19x39 (cm)		nt			Cty TNHH Hoàng Phép	18.000
		Gạch nung - ống 90A	viên	TCVN 1450:2009	9x9x19 (cm)						3.300
		Gạch nung - thẻ 90A	viên	TCVN 1451:1998	4,5x9x19 (cm)		nt				3.300
6	Kính xây dựng	Kính bông 5ly	m ²	TCVN 7455:2013	Dày 5 mm		nt		Bao gồm vận chuyển đến vị trí công trình trên địa bàn huyện	Cơ sở nhôm kính Sinh Nhật	280.000
		Kính trắng 5 ly	m ²								280.000
7	Gỗ xây dựng	Gỗ xây dựng nhóm 4 <4m	m ³	TCVN 13533:2022	<4m		nt			Cty TNHH Tuấn Tú Phú Quý	22.400.000

B/ BÁO GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT, KINH DOANH; DOANH NGHIỆP KINH DOANH CUNG CẤP, PHÂN PHỐI HOẶC ĐẠI LÝ BÁN HÀNG CHO CÁC NHÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG

1. Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng và khoáng sản Bình Thuận:

Báo giá vật liệu xây dựng tháng 6/2025.

2. Công ty TNHH TM&SX Quấn Trung:

Báo giá vật liệu xây dựng tháng 6 năm 2025.

3. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen – Chi nhánh tỉnh Bình Thuận:

Báo giá vật liệu xây dựng tháng 6 năm 2025.

4. Công ty cổ phần Tàzon:

Báo giá vật liệu xây dựng tháng 6 năm 2025.

5. Công ty TNHH MTV Quốc Trí – HT:

Báo giá vật liệu xây dựng tháng 6 năm 2025.

6. Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Super Trường Phát:

Báo giá vật liệu xây dựng tháng 6 năm 2025.

7. Công ty Cổ phần xi măng Tây Đô:

Báo giá vật liệu xây dựng tháng 6 năm 2025.

8. Công ty TNHH TMDV Xây dựng Lâm Nga:

Báo giá vật liệu xây dựng tháng 6 năm 2025.

9. Công ty CP Tập đoàn Singhal:

Báo giá vật liệu xây dựng tháng 6 năm 2025.

10. Công ty cổ phần khoa học công nghệ Việt Nam:

Báo giá vật liệu xây dựng tháng 6 năm 2025.

(Các bảng báo giá nêu trên được đăng tải kèm theo Phụ lục này trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng Bình Thuận theo địa chỉ: <https://sxd.binhthuan.gov.vn>)./.